

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ MỸ THO
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 185/2022/HNGĐ-ST

Ngày 09 tháng 12 năm 2022

V/v tranh chấp “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thùy Trang.
2. Bà Đinh Tú Khoa.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đinh Thị Thoảng - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho không tham gia phiên tòa.**

Ngày 09 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 620/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 172/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc V, sinh năm: 1964;
Địa chỉ: Số H ấp B, xã T, TP M, tỉnh Tiền Giang.
2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm: 1963;
Địa chỉ: Số H ấp B, xã T, TP M, tỉnh Tiền Giang.

(Bà V và ông N xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 05/10/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc V trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn N tự nguyện sống chung với nhau từ năm 1993, nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã do bất đồng quan điểm, mặc dù đã nhiều lần hàn gắn nhưng không thành. Năm 2019 mâu thuẫn càng trở nên trầm trọng nên ông bà đã sống ly từ đó cho đến nay. Nay nhận tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà những vấn đề như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông N.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Trọng N1, sinh ngày 17/8/1994. Do cháu N1 bị khuyết tật về nghe và nói nên bà đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng cháu N1, yêu cầu ông N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai ngày 05/10/2022 và biên bản hòa giải ngày 21/11/2022 ông Nguyễn Văn N trình bày: Ông thống nhất như lời bà V trình bày về thời gian chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn, với yêu cầu khởi kiện của bà V ông có ý kiến như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông đồng ý không công nhận quan hệ vợ chồng với bà V.

Về con chung: Đồng ý giao con chung là cháu Nguyễn Trọng N1, sinh ngày 17/8/1994 cho bà V trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Do cháu N bị khuyết tật về nghe và nói nên mỗi tháng ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.000.000 đồng cho đến khi cuối đời.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi thẩm tra xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Ngọc V và ông Nguyễn Văn N tự nguyện chung sống vợ chồng với nhau từ năm 1993, không có đăng ký kết hôn. Ngày 05/10/2022 bà V khởi kiện yêu cầu được không công nhận quan hệ vợ chồng với ông N đây là tranh chấp ly hôn được quy định tại Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Hình thức và nội dung đơn khởi kiện đúng quy định tại Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc V và bị đơn ông Nguyễn Văn N có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà V, ông N theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc V và ông Nguyễn Văn N tự nguyện chung sống vợ chồng với nhau vào năm 1993 có đủ điều kiện kết hôn, nhưng không có đăng ký kết hôn là vi phạm quy định tại Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b, khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000; Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT ngày 03/01/2001 của TANDTC, VKSNDTC, BTP do đó không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng.

Ngày 05/10/2022 bà V khởi kiện yêu cầu được không công nhận quan hệ vợ chồng với ông N. Do đó Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà V và ông N là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 9, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Có 01 con chung tên cháu Nguyễn Trọng N1, sinh ngày 17/8/1994. Cả bà Vh và ông N đều có văn bản thống nhất giao cháu N1 cho cho bà V trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Do cháu N1 bị khuyết tật về nghe và nói nên ông N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu N1 cuối đời.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Bà V phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Ông N phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 92, 147, 189, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 8, 9, 53, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm b, khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội; Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ Tư pháp

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc V.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Ngọc V và ông Nguyễn Văn N.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trọng N1, sinh ngày 17/8/1994 cho bà Nguyễn Thị Ngọc V trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Văn N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu N1 cuối đời. Ông N có quyền đến thăm và chăm sóc con chung, không ai được cản trở ông N thực hiện quyền này.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc V phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Bà V đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0022889 ngày 01/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, nên xem như đã nộp xong án phí. Ông Nguyễn Văn N phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Ngọc V và ông Nguyễn Văn N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Mỹ Tho;
- Chi cục THADS TP Mỹ Tho;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Thúy Hằng